

Bản án số: 227/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lựu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Bích Liên
2. Bà Phạm Kim Tuyền

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè – Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Y, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 24/8 Ấp 1, xã X, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1953.

Địa chỉ: 113/5 Ấp 1, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2018, biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 4 năm 2018, biên bản hoà giải ngày 02 tháng 5 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà Mai Thị Y là nguyên đơn trình bày:

Bà Mai Thị Y và ông Nguyễn Ngọc N tự nguyện sống chung từ năm 1983, không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Bà Y và ông N chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do cách sống giữa hai người có nhiều điểm khác biệt, không có tiếng nói chung, hai ông bà đã cố gắng hoà giải nhưng cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà Y và ông N đã sống ly thân đến nay.

Trong thời gian sống ly thân, bà Y và ông N mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà Y xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn ông Nguyễn Ngọc N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: có 04 người con chung tên Nguyễn Hoài P – sinh ngày 14/3/1984, Nguyễn Quốc V, sinh ngày 25/6/1986, Nguyễn Hoài T, sinh ngày 19/02/1990 và Nguyễn Thị Thuý H – sinh ngày 26/6/1995 (các con chung đều đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 4 năm 2018, biên bản hoà giải ngày 02 tháng 5 năm 2018, ông Nguyễn Ngọc N là bị đơn trình bày: Ông N xác nhận ông và Mai Thị Y tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn do không am hiểu pháp luật. Về mâu thuẫn vợ chồng, ông N thống nhất với lời trình bày của bà Y, ông và bà Y đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay. Ông N đồng ý ly hôn với bà Mai Thị Y.

Về con chung: có 04 người con chung tên Nguyễn Hoài P – sinh ngày 14/3/1984, Nguyễn Quốc V, sinh ngày 25/6/1986, Nguyễn Hoài T, sinh ngày 19/02/1990 và Nguyễn Thị Thuý H – sinh ngày 26/6/1995 (các con chung đều đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do bà Mai Thị Y và ông Nguyễn Ngọc N chung sống từ năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Mai Thị Y và ông Nguyễn Ngọc N là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Mai Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn ông Nguyễn Ngọc N do đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn. Đây là tranh chấp về ly hôn, ông Nguyễn Ngọc N là bị đơn cư trú tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông N là hoàn toàn đúng theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Hội đồng xét xử xét:

Bà Mai Thị Y và ông Nguyễn Ngọc N tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Vì vậy Hội đồng xét xử không công nhận bà Mai Thị Y và ông Nguyễn Ngọc N là vợ chồng.

Về con chung: Bà Y và ông N có 04 người con chung tên Nguyễn Hoài P – sinh ngày 14/3/1984, Nguyễn Quốc V, sinh ngày 25/6/1986, Nguyễn Hoài T, sinh ngày 19/02/1990 và Nguyễn Thị Thuý H – sinh ngày 26/6/1995 (các con chung đều đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Mai Thị Y nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc N.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Mai Thị Y và ông Nguyễn Ngọc N là vợ chồng.

Về con chung: Bà Y và ông N có 04 người con chung tên Nguyễn Hoài P – sinh ngày 14/3/1984, Nguyễn Quốc V, sinh ngày 25/6/1986, Nguyễn Hoài T, sinh ngày 19/02/1990 và Nguyễn Thị Thuý H – sinh ngày 26/6/1995 (các con chung đều đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Mai Thị Y nộp, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008769 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Mai Thị Y đã nộp đủ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà Mai Thị Y được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Ngọc N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Lựu

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 05/6/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lựu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Tuyền
2. Bà Trần Thị Bích Liên

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số: 137/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Y, sinh năm 1958 (Có mặt).

Địa chỉ: 24/8 Ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1953 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 113/5 Ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc N.

Biểu quyết: 3/3.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Mai Thị Y và ông Nguyễn Ngọc N là vợ chồng.

Về con chung: có 04 người con chung tên Nguyễn Hoài Phong – sinh ngày 14/3/1984, Nguyễn Quốc Việt, sinh ngày 25/6/1986, Nguyễn Hoài Trung, sinh ngày 19/02/1990 và Nguyễn Thị Thuý Hằng – sinh ngày 26/6/1995 (các con chung đều đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Biểu quyết: 3/3.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Mai Thị Y nộp, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008769 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Biểu quyết: 3/3.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà Mai Thị Y được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Ngọc N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Biểu quyết: 3/3.

4/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 05 tháng 6 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Bích Liên Phạm Kim Tuyến

Phạm Thị Lựu

